

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19/5/2021

*“V/v không công nhận quan
hệ vợ chồng”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phước Khánh.

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Trọng Nho - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2021 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đức L**, sinh năm 1954.

ĐKHKT: Thôn An Tr, xã S H, huyện B Th, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Bà **Võ Thị Minh Tr**, sinh năm 1961.

ĐKHKT: Đội 9, khu Đền V, xã Đ Q, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

(Ông L, bà Tr đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2021, bản tự khai ngày 19/3/2021, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tại Tòa án ngày 20/4/2021 nguyên đơn ông Nguyễn Đức Lân trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức L và bà Võ Thị Minh Tr tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 1981, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông trường Phú Sơn, huyện Thanh Sơn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do thời gian đã lâu nên ông bị mất giấy tờ đăng ký kết hôn, ông đã đến UBND xã Sơn Hùng, UBND xã Địch Quả, UBND thị trấn Thanh Sơn hỏi về giấy tờ đăng ký kết hôn nhưng không có. Sau khi kết hôn ông Lân và bà Trinh chung sống cùng với nhau tại quê nhà ông Lân ở tỉnh Lào Cai. Tuy nhiên trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau ông Lân có vi phạm pháp luật phải đi tù 12 năm, từ năm 1999. Sau khi ông Lân chấp hành án xong trở về địa phương thì vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau được nữa, bà Trinh đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở xã Địch Quả, huyện Thanh Sơn để sinh sống, ông có nhiều lần xuống đón bà Trinh về nhưng bà không về. Chính vì cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc nên ông bà đã sống ly thân từ rất lâu mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến nhau. Ông Lân xác định không còn tình cảm với bà Trinh vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông Lân trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh, sinh năm 1981 và cháu Nguyễn Đức Công, sinh năm 1982, hiện cháu Minh đã trưởng thành có gia đình riêng, cháu Công đã chết năm 2015. Khi ly hôn ông Lân không có đề nghị gì về con chung.

Về tài sản chung: Ông Lân không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp: Ông Lân trình bày vợ chồng không có, ly hôn ông không có đề nghị gì.

Phía bị đơn, bà Võ Thị Minh Trinh tại bản tự khai ngày 09/4/2021, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tại Tòa án ngày 20/4/2021 đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trinh và ông Lân kết hôn với nhau năm 1981, hai bên được tự do tìm hiểu tự nguyện không bị ai ép buộc, hai bên có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông trường Phú Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do thời gian đã lâu, phải chuyển chỗ ở nhiều nơi khác nhau nên bà bị mất giấy chứng nhận kết hôn, không có đề nộp cho Tòa án. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Lân có mối quan hệ bên ngoài, không chăm lo đến gia đình, từ đó vợ chồng xảy ra cãi nhau không tôn trọng nhau, mặt khác ông Lân vi phạm pháp luật phải đi tù mười hai năm. Sau khi ông ra tù vợ chồng không chung sống với nhau, không còn tình

cảm. Bà Trinh về nhà bố mẹ đẻ ở xã Định Quả, huyện Thanh Sơn ở từ năm 1985 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó mỗi người một nơi không ai còn liên lạc, quan tâm đến nhau, nay ông Lân có đơn ly hôn bà Trinh đồng ý ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Bà Trinh trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh, sinh năm 1981 và cháu Nguyễn Đức Công, sinh năm 1982, hiện cháu Minh đã trưởng thành có gia đình riêng, cháu Công đã chết năm 2015. Khi ly hôn bà Trinh không có đề nghị gì về con chung.

Về tài sản chung: Bà Trinh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp: Bà Trinh trình bày vợ chồng không có, ly hôn bà không có đề nghị gì.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày ngày 06/5/2021 nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Ông Lân và bà Trinh có trình bày về việc năm 1981 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông trường Phú Sơn, huyện Thanh Sơn. Tuy nhiên ông bà đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đăng ký kết hôn với nhau. Tòa án cũng đã xác minh tại địa phương nhưng không có kết quả gì về việc ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định, do đó không có căn cứ xác định ông Lân và bà Trinh đăng ký kết hôn với nhau. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Đức Lân và bà Võ Thị Minh Trinh. Về con chung: Hiện tại 02 con chung của ông bà là Nguyễn Thị Minh, sinh năm 1981 đã trưởng thành có gia đình riêng, Nguyễn Đức Công, sinh năm 1982 đã chết năm 2015, ly hôn ông Lân và bà Trinh đều không có đề nghị gì về con chung, vì vậy không xem xét. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Ông Lân là người cao tuổi nên được miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng được quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Minh Trinh đang cư trú tại Đội 9, khu Đền Vọng, xã Dịch Quả, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Đức Lân và bà Võ Thị Minh Trinh có trình bày kết hôn với nhau năm 1981, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông trường Phú Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông bà không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn, Tòa án cũng đã xác minh tại địa phương nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc ông bà đăng ký kết hôn với nhau năm 1981. Ông Lân có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 06/5/2021 nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Lân, bà Trinh là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc đăng ký kết hôn: Xét thấy ông Lân và bà Trinh xây dựng gia đình chung sống với nhau từ năm 1981, ông bà trình bày có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông trường Phú Sơn, huyện Thanh Sơn, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông bà đều không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã đăng ký kết hôn. Theo kết quả xác minh ngày 04/5/2021 tại Ban tư pháp xã Dịch Quả thể hiện sổ theo dõi đăng ký kết hôn của công dân trên địa bàn xã Dịch Quả từ năm 1980 trở lại đây không có việc đăng ký kết hôn giữa ông Lân với bà Trinh, khi UBND thị trấn Nông trường Phú Sơn giải thể không bàn giao lại hồ sơ, sổ sách gì liên quan đến việc kết hôn của công nhân nông trường cho UBND xã Dịch Quả. Theo biên bản xác minh ngày 04/5/2021 Ban tư pháp xã Sơn Hùng cho biết: Thị trấn Nông trường Phú Sơn trước đây có trụ sở đóng trên địa bàn xã Sơn Hùng, đến năm 1997 khi chia tách địa giới hành chính xã Sơn Hùng cũ thành UBND thị trấn Thanh Sơn hiện nay và thành lập UBND xã

Son Hùng mới. Khi chia tách thì toàn bộ hồ sơ, sổ sách của công dân kể cả việc đăng ký kết hôn là UBND xã Son Hùng cũ nay là UBND thị trấn Thanh Sơn lưu giữ, UBND xã Son Hùng chỉ quản lý hồ sơ của công dân từ năm 1997 trở lại đây, vì vậy ông Lân và bà Trinh có đăng ký kết hôn với nhau hay không thì địa phương không biết. Tại biên bản xác minh ngày 04/5/2021 tại Ban tư pháp UBND thị trấn Thanh Sơn cho biết: UBND thị trấn Nông trường Phú Sơn giải thể khoảng năm 1989 hoặc 1990, khi nông trường Phú Sơn giải thể không bàn giao hồ sơ, sổ sách gì cho UBND xã Son Hùng cũ (nay là UBND thị trấn Thanh Sơn), vì vậy UBND thị trấn Thanh Sơn không có căn cứ để biết việc ông Lân, bà Trinh có đăng ký kết hôn với nhau không. Theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện ...”* và tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”*. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy ông Lân và bà Trinh không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp pháp luật.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Tại bản tự khai của ông Lân, bà Trinh cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân thời gian dài, không có hạnh phúc, nay ông Lân, bà Trinh đều xác định tình cảm với nhau không còn nên nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau. Qua kết quả xác minh ngày 04/5/2021 tại khu hành chính Đền Vọng, xã Dịch Quả xác định trong quá trình chung sống vợ chồng ông Lân, bà Trinh có phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu từ việc không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Mặt khác bản thân ông Lân sau khi kết hôn được một thời gian thì vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án, bà Trinh đã về ở với bố mẹ đẻ tại xã Dịch Quả từ năm 1985 cho đến nay, từ thời gian đó không thấy ông Lân, bà Trinh đi lại với nhau, mỗi người một nơi. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Lân và bà Trinh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết

mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc ông Lân xin ly hôn với bà Trinh là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp pháp luật.

[5] Về con chung: Ông Lân và bà Trinh khẳng định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh, sinh năm 1981 đã trưởng thành có gia đình riêng, Nguyễn Đức Công, sinh năm 1982 đã chết năm 2015, ly hôn ông Lân và bà Trinh đều không có đề nghị gì về con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Ông Lân và bà Trinh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung, công sức đóng góp: Ông Lân và bà Trinh trình bày không có, khi ly hôn ông bà đều không có đề nghị gì, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Ông Nguyễn Đức Lân là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Đức Lân và bà Võ Thị Minh Trinh.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đức Lân là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Trả lại cho ông Lân số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2020/0003442 ngày 15/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện.
- UBND xã Dịch Quả, huyện Thanh Sơn;
- UBND xã Sơn Hà, huyện Bảo Thắng;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Cẩm Vân